

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 1575 /SNN-PTNT

V/v Hướng dẫn đánh giá Tiêu chí 03-Thủy lợi;
Chỉ tiêu 10.1, 10.2 trong Tiêu chí 10-Phát triển
sản xuất và nâng cao thu nhập trong Bộ tiêu
chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn
2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg, ngày 17/10/2016 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới
giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về
phê duyệt Chương trình Mô hình xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Lào
Cai giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Văn bản số 1345/ BNN-VPDP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế
hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-
2020;

Căn cứ Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh
Lào Cai, giai đoạn 2018-2020,

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn đánh giá Tiêu chí số 03 - Thủy lợi;
Chỉ tiêu 10.1, 10.2 thuộc Tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng
cao trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2018-2020, như sau:

1. Tiêu chí số 03 - Thủy lợi

1.1. Chỉ tiêu chung

- Chỉ tiêu 3.1: Tỷ lệ diện tích được tưới và tiêu thụ động từ các nguồn đạt
từ 90% trở lên;

- Chỉ tiêu 3.2: Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa đạt từ
80% trở lên;

- Chỉ tiêu 3.3: Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy
định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

1.2. Điều kiện, chỉ tiêu cụ thể

a) Chỉ tiêu 3.1: Tỷ lệ diện tích được tưới và tiêu chủ động từ các nguồn đạt 90% trở lên.

- Trình tự thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định chỉ tiêu 3.1 được thực hiện theo Chỉ tiêu 3.1 tại Văn bản hướng dẫn số 522/SNN-KH ngày 27/3/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn đánh giá, thẩm định các tiêu chí nông thôn mới do Sở Nông nghiệp và PTNT phụ trách. Tuy nhiên, phải đảm bảo đạt tỷ lệ sau đây:

- Tỷ lệ diện tích được tưới và tiêu chủ động từ các nguồn đạt 90% trở lên.

b) Chỉ tiêu 3.2: Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa đạt từ 80% trở lên

- Xã đạt chỉ tiêu 3.2 khi có tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa đạt tỷ lệ theo quy định, được tính như sau:

Tổng chiều dài kênh mương được được kiên cố

(kênh bê tông, kênh xây)

$\times 100 \geq 80\%$ trở lên

Tổng chiều dài kênh mương trên địa bàn xã

Tổng chiều dài kênh mương đã được kiên cố và tổng chiều dài kênh mương được đánh giá thông qua biểu tổng hợp hiện trạng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã.

- Trình tự được thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 522/SNN-KH ngày 27/3/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

c) Chỉ tiêu 3.3: Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ

Trình tự thủ tục, chấm điểm, hồ sơ đánh giá, thẩm định chỉ tiêu 3.3 được thực hiện theo Chỉ tiêu 3.2 tại Văn bản hướng dẫn số 522/SNN-KH ngày 27/3/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

2. Chỉ tiêu 10.1 -Xã có ít nhất 03 mô hình phát triển sản xuất hiệu quả phù hợp với điều kiện tại xã.

2.1. Quy định chung về mô hình sản xuất hiệu quả

Là mô hình sản xuất theo quy hoạch, đề án của cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc mô hình có tính đặc thù phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương; áp dụng cơ giới hóa trong một số khâu trong sản xuất; sản xuất ra các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường; có liên kết sản xuất ổn định, bền vững; tạo việc làm ổn định cho lao động nông thôn; tăng thu nhập cho các hộ tham gia mô hình so với thu nhập bình quân chung của xã.

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

a) Số lượng mô hình: Xã có ít nhất 03 mô hình phù hợp với điều kiện tại xã về lĩnh vực chăn nuôi, trồng trọt, thuỷ sản, lâm nghiệp...(không nhất thiết

phải có 3 mô hình với loại hình sản xuất khác nhau mà có thể trên 01 lĩnh vực sản xuất nhưng có 3 mô hình tại các thôn trong xã).

b) Phải phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản, ngành nghề nông thôn hoặc Đề án Tái cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Áp dụng cơ giới hoá

- Trong trồng trọt: tỷ lệ cơ giới hoá phải đạt trên 50% trở lên, từ khâu làm đất, chăm sóc, bảo quản, chế biến và đóng gói bao bì tiêu thụ sản phẩm;

- Trong chăn nuôi: tỷ lệ cơ giới hoá phải đạt từ 60% trở lên, từ hệ thống chuồng trại, hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống, hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, chế biến sản phẩm (nếu có);

- Trong lâm nghiệp: tỷ lệ cơ giới hoá phải đạt 30% trở lên trong các khâu chăm sóc và khai thác, vận chuyển, chế biến sản phẩm.

d) Sản phẩm sản xuất an toàn

- Các sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP, GlobalGAP...

- Đối với mô hình phát triển sản xuất theo hướng hữu cơ: Các sản phẩm (trồng trọt, chăn nuôi) phải đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 3883/QĐ-BKHCN ngày 19/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn Quốc gia.

đ) Quy mô mô hình

- Đối với sản xuất trồng trọt: áp dụng theo quy định tại Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về Ban hành tiêu chí xây dựng cánh đồng lớn tỉnh Lào Cai; sản xuất ứng dụng công nghệ cao có diện tích tối thiểu 5.000 m² trở lên.

- Đối với sản xuất lâm nghiệp: quy mô 50 ha trở lên;

- Đối với chăn nuôi thường xuyên phải có quy mô: Đại gia súc (trâu, bò, ngựa): 300 con trở lên; tiểu gia súc (dê, lợn..): 500 con trở lên; gia cầm, thủy cầm: 10.000 con trở lên; chăn nuôi thủy sản: 5 ha trở lên, nuôi cá lồng 1000 m³ lồng trở lên. Đối với chăn nuôi hỗn hợp phải có quy mô: đại gia súc 100 con trở lên, tiểu gia súc: 200 con trở lên, gia cầm, thủy cầm 5.000 con trở lên.

e) Các hình thức liên kết:các mô hình phải có một trong các hình thức liên kết sau đây:

- Liên kết từ cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Liên kết sơ chế hoặc chế biến gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

g) Chu kỳ liên kết đảm bảo ổn định

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

- Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất theo hợp đồng giữa các bên tham gia liên kết;

- Giá mua, sản phẩm không thấp hơn giá thị trường tại thời điểm thu hoạch;

- Không xảy ra hiện tượng phá vỡ hợp đồng liên kết trên địa bàn xã.

h) Tạo việc làm ổn định: Các mô hình phải giải quyết được việc làm ổn định cho 50% lao động trong tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn xã.

i) Thu nhập của các hộ tham gia mô hình: tăng thu nhập cho các hộ tham gia mô hình cao gấp từ 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân chung của xã.

(Có các phụ biểu kèm theo)

2.3. Hồ sơ xét công nhận đạt chỉ tiêu 10.1

- Báo cáo đánh giá các mô hình phát triển sản xuất của UBND xã.

- Biên bản thẩm định chỉ tiêu 10.1 kèm theo các biểu mẫu đánh giá.

- Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực được ký kết giữa các bên, có xác nhận của UBND xã (hoặc chứng thực công chứng); Giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tham gia liên kết); giấy phép đăng ký hợp tác xã (đối với HTX tham gia liên kết); 01 bản.

Ghi chú: Hồ sơ, trình tự đánh giá tiêu chí 13.2 vẫn thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 1588/SNN-PTNT ngày 01/9/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai.

3. Chỉ tiêu 10.2 -Xã có ít nhất 01 sản phẩm OCOP

3.1. Quy định chung về sản phẩm OCOP

Sản phẩm OCOP là sản phẩm được cấp có thẩm quyền công nhận sau khi thực hiện đầy đủ chu trình OCOP được Quy định tại Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Mô hình xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020 và các quy định của Trung ương và địa phương có liên quan đến Chương trình Mô hình xã một sản phẩm.

3.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

a) Số lượng sản phẩm OCOP: Xã có ít nhất 01 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên được cấp có thẩm quyền công nhận.

b) Sản phẩm OCOP phải thuộc 6 nhóm sản phẩm sau: gồm nhóm Thực phẩm; nhóm Đồ uống; nhóm Thảo dược; nhóm Vải và may mặc; nhóm Lưu niệm - nội thất - trang trí; nhóm Dịch vụ du lịch nông thôn, được quy định tại điểm b, khoản 4, điều 1, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tiêu chí đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP

Thực hiện theo điểm c, khoản 4 và phụ lục số II, Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Hệ thống phiếu chấm điểm các sản phẩm được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai tại mục chung sức xây dựng nông thôn mới - cảm nang và hướng dẫn.

3.3. Hồ sơ xét công nhận đạt chỉ tiêu 10.2

- Báo cáo đánh giá chất lượng sản phẩm OCOP của UBND xã.
- Biên bản thẩm định chỉ tiêu 10.2 kèm theo các biểu mẫu đánh giá.

4. Tổ chức thực hiện

- Ban Chỉ đạo NTM cấp xã tổ chức họp, đánh giá xét duyệt các tiêu chí theo quy định, đồng thời lập tờ trình gửi hồ sơ đánh giá, thẩm định gửi Hội đồng thẩm định các tiêu chí nông mới cấp huyện xem xét, thẩm định trước ngày 25/9 hàng năm.

- Hội đồng thẩm định NTM cấp huyện căn cứ vào tờ trình và hồ sơ đánh giá của UBND cấp xã, đồng thời tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo kết quả gửi BCĐ NTM huyện xem xét, lập tờ trình và hồ sơ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai trước ngày 15/10 hàng năm.

- Sau khi nhận được đề nghị thẩm tra của UBND các huyện, thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT giao cho các đơn vị trực thuộc sở theo lĩnh vực chuyên ngành thẩm tra lại kết quả của các xã; đồng thời lập biên bản kết quả thẩm tra và tổng hợp trả lời các huyện, thành phố bằng văn bản sau 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị của các huyện, thành phố.

- Căn cứ văn bản kết quả thẩm tra của Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố công nhận đạt Tiêu chí nâng cao cho cấp xã.

Ghi chú: Riêng Chỉ tiêu 10.2 thuộc Tiêu chí 10 do UBND tỉnh chưa ban hành chi tiết quy định về đánh giá các sản phẩm OCOP, do đó Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn đánh giá tạm thời để các huyện, thành phố và các xã tổ chức thực hiện theo Quyết định số 490/QĐ-TTg, ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi UBND tỉnh có quy định cụ thể về sản phẩm OCOP, Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện Tiêu chí số 03; Chỉ tiêu 10.1 và 10.2 thuộc Tiêu chí số 10 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai./..

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- Các Chi cục: PTNT, Thủy lợi, Trồng trọt và BVTV, Chăn nuôi và Thú y;
- Lưu VTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Nhẫn

PHỤ BIẾU 01: CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

(Kèm theo Văn bản số 1575/SNN-PTNT ngày 14/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



STT	Tên mô hình phát triển SX	Điểm điểm TH thôn/xã/huyện	Quy mô (ha/con)	Phù hợp Quy hoạch, Đề án (nghi rõ tên Quyết định phê duyệt QH hoặc ĐA			Tỷ lệ cơ giới hóa (%) (nghi rõ trong các khâu)	Tiêu chuẩn SX VietGap hoặc GboalGap....
				QH SX	Đề án	Cánh DL		
I	Mô hình trồng trọt							
1	MH phát triển sản xuất A							
2	MH phát triển sản xuất B							
3	MH phát triển sản xuất....							
II	Mô hình chăn nuôi							
1	MH phát triển sản xuất A							
2	MH phát triển sản xuất B							
3	MH phát triển sản xuất							
III	Mô hình phát triển sản xuất....							

PHỤ BIỂU 02: CHỈ TIÊU ĐÁNH GIA VỀ THU NHẬP VÀ TẠO VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Văn bản số 1575/SNN-PTNT ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên mô hình phát triển SX	Lao động		Thu nhập		Ghi chú
		Tổng số LĐ trên địa bàn xã (người)	Tạo việc làm cho LĐ (%)	Thu nhập BQ LĐ xã (triệu.đ)	Các hộ tham gia MH (triệu.đ)	
I	Mô hình trồng trọt					
1	MH phát triển sản xuất A					
2	MH phát triển sản xuất B					
3	MH phát triển sản xuất....					
II	Mô hình chăn nuôi					
1	MH phát triển sản xuất A					
2	MH phát triển sản xuất B					
3	MH phát triển sản xuất					
III	Mô hình phát triển sản xuất....					